

Bản án số: 534/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu P và bà Phan Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đắc Toàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 499/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 04/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1964; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lưu Thị Ngọc L, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Cùng ĐKKHKT và cư trú: quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong các lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông đăng ký kết hôn với bà Lưu Thị Ngọc L tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hà, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình năm 1991, do bị mất đăng ký kết hôn nên đăng ký kết hôn lại ngày 29/5/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau; nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai bên đã tìm nhiều biện pháp hóa giải mâu thuẫn nhưng không có kết quả, nên tháng 02/2019 đã sống ly thân nhau từ đó đến nay và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

- *Về con chung*: Ông và bà L có hai con chung, gồm: cháu Nguyễn Thị M P, sinh ngày 13/9/1992 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/6/2002. Hiện tại hai cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động và có thu nhập riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung, công sức*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông R không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Bị đơn bà Lưu Thị Ngọc L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà hoàn toàn nhất trí các ý kiến của ông R về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, do hai bên đều không có chung quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống, bà xác định ông R không thể thay đổi để cùng nhau đoàn tụ. Vì con nên không đồng ý ly hôn, nếu ông R cương quyết ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Bà và ông R có hai con chung, gồm: cháu Nguyễn Thị M P, sinh ngày 13/9/1992 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/6/2002. Hiện tại hai cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động và có thu nhập riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung, công sức*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Tại phiên tòa, ông R giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, bà L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình xây dựng hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với người tham gia tố tụng, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông R, cho ông R được ly hôn bà L. Về con chung: Có hai con chung, gồm: cháu Nguyễn Thị M P, sinh ngày 13/9/1992 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/6/2002. Hai cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động và có thu nhập riêng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Nguyễn Văn R và bà Lưu Thị Ngọc L đăng ký kết hôn lại ngày 29/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hà, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Ngày 18/11/2020 ông R có đơn khởi kiện xin

ly hôn bà L, bà L có nơi cư trú tại quận Bắc Từ Liêm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn bà Lưu Thị Ngọc L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà L.

[2] *Về hôn nhân*: Ông R và bà L đều xác định mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Tháng 10/2020 ông bà đã đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, quá trình giải quyết chỉ vì con, bà L không đồng ý thuận tình ly hôn nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn. Ông R xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông R, bà L đã kéo dài, hai bên đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện và đã sống ly thân nhau từ tháng 2/2019 đến nay, không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Bà L xin đoàn tụ chỉ vì con nhưng cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà cũng xác định ông R không thể thay đổi để cùng đoàn tụ. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho ông R được ly hôn với bà L.

[3] *Về con chung*: Ông R và bà L có 02 con chung, gồm: cháu Nguyễn Thị M P, sinh ngày 13/9/1992 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/6/2002. Hiện tại hai cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động và có thu nhập riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Các bên tự thỏa thuận Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về công sức, nợ chung*: Không có. Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra Tòa án không giải quyết gì khác.

[6] *Về án phí*: Ông R phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn R.

Cho ông Nguyễn Văn R được ly hôn với bà Lưu Thị Ngọc L.

2. Về con chung: Ông R và bà L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị M P, sinh ngày 13/9/1992 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/6/2002. Hai cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh, có khả năng tự lao động và có thu nhập riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về công sức, nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ông R đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số AB/2015/00003955 ngày 27/10/2020, nay được chuyển thành án phí. Xác nhận ông R đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông R có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Hà Nội
- VKS quận Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội
- Cơ quan Thi hành án quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã Nam Hà, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Quang